Nhà thơ Tú Xương tên thật là Trần Tế Xương , tự Mặc Trai, hiệu Mộng Tích, Tử Thịnh. Tên bố mẹ đặt cho lúc đầu là Trần Duy Uyên. Ông sinh ngày 5 tháng 9 năm 1870 (tức ngày 10 tháng 8 năm Canh Ngọ), ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (trước đây là phố Hàng Nâu, hiện nay là phố Minh Khai, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định). Ông mất ngày 29 tháng 1 năm 1907.

1)Hoàn cảnh ra đời

-Trần Tế Xương sinh ra vào ngày 5/9/1870 (tức 10/8 Âm Lịch) tại số nhà 247 phố Hàng Nâu thành phố Nam Định với tên húy là Trần Duy Uyên. Ông thuộc dòng dõi nho gia, vốn là họ Phạm, đổi thành họ Trần là bởi vào đời Nhà Trần lập công lớn được phong quốc tính (vua cho đổi theo họ nhà vua). Ông nội Trần Tế Xương tên là Trần Duy Năng. Thân sinh của Trần Tế Xương là cụ Trần Duy Nhuận cũng là một nhà nho, thi nhiều khoa không đậu, sau làm Tự thừa ở dinh đốc học Nam Định, sinh được 9 người con, 6 trai, 3 gái, Tú Xương là con trưởng. Trong tất cả các tài liệu nói về Tú Xương đều không thấy có ảnh, nhưng dáng hình cụ Tú được người bạn học là hạc phong Lương Ngọc Tùng viết trong bài thơ "Nhớ rõ hình dung..."

Cùng làng, cùng phố, học cùng trường

Nhớ rõ hình dung cụ Tú Xương,

Trán rộng, tai dày, da tựa tuyết,

Mồm tươi, mũi thẳng, mắt như gương.

Tiếng vàng sang sảng ngâm thơ phú,

Gót ngọc khoan khoan dạo phố phường.

Mấy chục năm trời đà vắng bóng,

Nghìn năm còn rạng dấu thư hương.

-Ông đi học sớm và cũng sớm nổi tiếng thông minh

-Cuộc đời ngắn ngủi có 37 năm của ông đã nằm gọn trong một giai đoạn bi thương nhất của đất nước. Trước lúc ông ra đời 3 năm thì 6 tỉnh nam kỳ mất trọn cho Pháp. Tú Xương lên 3 thì Bắc Kỳ trong đó có Nam Định bị tấn công lần thứ nhất. Tú Xương 12 tuổi, Bắc Kỳ, Nam Định bị tấn công lần thứ 2 và mất nốt. Hiệp ước Harmand 1883 rồi hiệp ước Patenôtre 1884 thừa nhận quyền thống trị của Pháp trên đất Việt Nam. các phong trào kháng chiến chống Pháp diễn ra sôi nổi nhưng lần lượt thất bại. Tú Xương sinh ra và lớn lên trong bối cảnh sục sôi và bi thương đó.

-Tú Xương lấy vợ năm 16 tuổi, vợ ông là bà Phạm Thị Mẫn.

-Ông đi thi từ lúc 17 tuổi, đó là khoa Bính Tuất (1886).

2)Cuộc sống sự nghiệp

Cuộc đời của Trần Tế Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ, nhưng trước hết là một trí thức phong kiến. Ông thuộc loại nhà nho "dài lưng tốn vải" như trong bài Hỏi ông trời của ông:

Ta lên ta hỏi ông trời:

Trời sinh ta ở trên đời biết chi?

Biết chăng cũng chẳng biết gì:

Biết ngồi Thống Bảo, biết đi ả đầu

Biết thuốc lá, biết chè tàu

Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi

-Mọi chi tiêu trong gia đình đều do một tay bà Tú lo liệu. Điều đó đã đi vào thơ ca của ông: “Tiền bạc phó cho con mụ kiếm” hoặc là “Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ” hay là “Nuôi đủ năm con với một chồng”, rồi ông cũng tự cười mình trong bài “Phỗng sành”:

Ở phố Hàng Nâu có phỗng sành

Mắt thời thao láo, mặt thời xanh

Vuốt râu nịnh vợ, con bu nó

Quắc mắt khinh đời, cái bộ anh

Bài bạc kiệu cờ cao nhất xứ

Rượu chè trai gái đủ tam khoanh

Thế mà cứ nghĩ rằng ta giỏi

Cứ việc ăn chơi chẳng học hành

-Cuộc đời ông chỉ gắn liền với thi cử, tính ra có tất cả 8 lần. Đó là các khoa: Bính Tuất (1886); Mậu Tý (1888); Tân Mão (1891); Giáp Ngọ (1894); Đinh Dậu (1897); Canh Tý (1900); Quý Mão (1903) và Bính Ngọ (1906). Sau 3 lần hỏng thi mãi đến lần thứ tư khoa Giáp Ngọ (1894) ông mới đậu tú tài, nhưng cũng chỉ là tú tài thiên thủ . Sau đó không sao lên nổi cử nhân, mặc dù đã khá kiên trì theo đuổi. Khoa Quý Mão (1903) Trần Tế Xương đổi tên thành Trần Cao Xương tưởng rằng bớt đen đủi, nhưng rồi hỏng vẫn hoàn hỏng, đến phát cáu lên:

Tế đổi làm cao mà chó thế,

Kiện trông ra tiệp hỡi trời ôi!

-Xã hội bấy giờ, cái bằng tú tài thuộc loại dang dở dở dang (tú tài không được thi Hội, cử nhân mới được thi, tú tài không được bổ quan, cử nhân mới được bổ). Cho nên đậu tú tài, muốn đậu cử nhân phải đợi 3 năm sau thi lại.Cuộc sống của ông về vật chất rất thiếu thốn. Đúng năm ông đậu tú tài (1894) thì ngôi nhà số 247 phố Hàng Nâu (nay là phố Minh Khai) bị cháy. Cụ Nhuận làm lại xây bằng gạch Ông tu tác cửa cao nhà rộng, toan để cho dâu - câu thơ đó là Tú Xương nhắc đến sự kiện này - nhưng rồi ngôi nhà đó lại bị bà Hai An chiếm đoạt. Tú Xương đã phải than: “Nhà cửa giao canh nợ phải bồi”. Nghèo đói đã cứa xé Tú Xương. Sự đểu cáng đã va vào Tú Xương. Hoàn cảnh đó được in đậm trong thơ phú của Tú Xương sự vất vả, cay cú, phát phẫn, buồn phiền.

3)Gia đình

Họ Phạm làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương có nhiều người đỗ đạt. Tú Xương nhắc “Chẳng những Lương Đường có thủ khoa” là nhắc đến làng quê của vợ ông. Gia đình bà Phạm Thị Mẫn đến đời bố mẹ thì dời sang sinh sống ở Nam Định. Bà Mẫn sinh trưởng tại đây. Cuộc kết hôn giữa ông Tú với bà là từ hoàn cảnh gần gũi đó. Bà sinh cho ông được 8 người con, trong đó có 6 trai và 2 gái. Bà Tú là một phụ nữ tiêu biểu cho phụ nữ Việt Nam xưa ở nhiều phương diện như tần tảo, thương chồng, thương con, nhẫn nại quên mình. Công việc kiếm sống cho gia đình của bà là buôn bán nhỏ (tiểu thương). Điều đặc biệt là chính bà đã đi vào thi phẩm của ông chồng như một nhân vật điển hình hấp dẫn.

4)Về văn bản tác phẩm

Tình hình văn bản tác phẩm của Tú Xương hết sức phức tạp. Không có di cảo. Không có những công trình đáng tin cậy tập hợp tác phẩm khi tác giả còn sống hoặc vừa nằm xuống. Sinh thời, nhà thơ sáng tác dường như chỉ để tiêu sầu hoặc mua vui, thơ làm đọc lên cho vợ con, bạn bè nghe, rồi tùy ý truyền khẩu. Thành Nam thuở ấy còn có nhiều người hay thơ và thơ hay, cùng nỗi niềm và khuynh hướng với Tú Xương như Trần Tích Phiên, Phạm Ứng Thuần, Trần Tử Chi, Vũ Công Tự... Thơ họ cũng được phổ biến không ít. Lại 3 năm một lần thi hương, sĩ tử cả Bắc Kỳ tụ hội về đây, thơ hay được lan truyền càng rộng rãi. Vì thế thơ Tú Xương càng dễ bị lẫn lộn.

(1) Vị Xuyên thi văn tập của Sở Cuồng (tức Lê Dư), Nam Kỳ thư quán (1931 - sau có tái bản), giới thiệu 174 tác phẩm gồm thơ, phú, câu đối. Mà sau này các sách khác thừa hưởng kết quả.

(2) Trông dòng sông Vị (Văn chương và thân thế Trần Tế Xương) của Trần Thanh Mại, Trần Thanh Địch (1935 - lần thứ nhất) ở Huế, sau tái bản nhiều lần.

(3) Tú Xương thi tập do nhà sách Phúc Chí - 95 Hàng Bồ, Hà Nội (1950) - giới thiệu 75 bài thơ phú.

(4) Thân thế và thơ văn Tú Xương của Vũ Đăng Văn - nhà xuất bản Cây Thông, Hà Nội (1951). Đính chính tên nhà thơ là Trần Tế Xương (không phải Kế) và giới thiệu 181 tác phẩm.

Những sách này là từ trước 1954, sưu tầm thơ Tú Xương còn hết sức tùy tiện và hầu như không có chú giải cần thiết. Việc khảo cứu về nhà thơ cũng chưa được đặt ra, nếu không kể đến cuốn Trông dòng sông Vị.

(5) Văn thơ Trần Tế Xương - nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội (1957). Giới thiệu chính thức 125 bài và đưa 55 bài vào phần tồn nghi.

(6) Đấu tranh chống hai quan niệm sai lầm về Tú Xương - nhà xuất bản Nghiên cứu cục xuất bản, Bộ văn hóa Hà Nội (1957) của Trần Thanh Mại nhân dịp lần thứ 50 ngày giỗ Tú Xương.

(7) Tú Xương con người và nhà thơ của Trần Thanh Mại, Trần Tuấn Lộ - nhà xuất bản Văn hóa (1961). Giới thiệu 193 bài chính thức, 17 bài tồn nghi.

(8) Thơ Trần Tế Xương - Ty văn hóa Nam Hà (1970). Bài tiểu luận của Xuân Diệu in lần đầu tiên ở đây, có nhiều phát hiện lý thú. Còn tác phẩm chỉ tuyển chọn chẵn 100 bài, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà thơ.

(9) Thơ văn Trần Tế Xương - nhà xuất bản Văn học (1970) - có sự tham gia của Nguyễn Công Hoan chọn 151 tác phẩm và 22 bài tồn nghi.

(10) Thơ văn Trần Tế Xương - nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội (1984). Cuốn này sao gần như hoàn toàn cuốn (9).

4)Về đánh giá tác phẩm

-Nói đến tài làm thơ của Tú Xương, nhiều người đã đặc biệt chú ý đến sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình, trong đó trữ tình là gốc. Với Tú Xương, vẫn chưa thấy chắc chắn có bài thơ chữ Hán nào, chỉ thấy thơ Nôm viết bằng các thể loại cổ điển: thơ luật Đường - thất ngôn bát cú, tứ tuyệt; phú; văn tế; câu đối; hát nói; lục bát. Ở thể loại nào Tú Xương cũng tỏ ra là một nghệ sĩ bậc thầy.

-Nguyễn Công Hoan suy tôn Tú Xương là bậc thần thơ thánh chữ.

-Xuân Diệu xếp hạng Tú Xương thứ 5 sau Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương và Đoàn Thị Điểm.

-Tản Đà khi còn sống "trong những thi sĩ tiền bối, phục nhất Tú Xương" (Xuân Diệu kể vậy). Tản Đà tự nhận trong đời thơ của mình mới địch nổi Tú Xương một lần thôi bằng chữ "vèo" trong bài thơ Cảm thu, Tiễn thu của ông: Vèo trông lá rụng đầy sân. Nguyễn Công Hoan cũng kể vậy.

-Nguyễn Tuân biểu dương Tú Xương là: một người thơ, một nhà thơ vốn nhiều công đức trong cuộc trường kỳ xây dựng tiếng nói văn học của dân tộc Việt Nam.

-Với Tú Xương, còn là hiện tượng hiếm trong lịch sử tác gia Việt Nam: Tú Xương có "môn phái", "môn đệ". Tên của ông là Trần Tế Xương, có lúc đổi thành Trần Cao Xương, nhưng đây là chữ xương với nghĩa "thịnh vượng" (còn có nghĩa là đẹp, thẳng). Sách xưa có chữ "Đức giả xương" (người có đức, thịnh vậy), không phải là xương theo nghĩa "xương thịt". Nhưng người đời sau, mấy vị chuyên làm thơ trào phúng đã cố tình đùa nghịch và "xuyên tạc", gắn cho cái nghĩa xương thịt, để rồi tự nguyện suy tôn Tú Xương (thịt) lên bậc tổ sư, còn mình là môn đệ. Và như thế là lịch sử văn học Việt Nam ở thế kỷ 20 bỗng nhiên có một "môn phái" gồm Tú Xương, rồi Tú Mỡ, Tú Sụn, Cử Nạc và thêm "chi phái": Tú Poanh, Đồ Phồn cũng là dòng tú, cử, đồ với nhau cả. Vinh dự thay cho vị tổ sư Tú Xương!

Bức tranh hiện thực trong thơ Tú Xương là một bức tranh xám xịt, dường như chỉ có rác rưởi, đau buồn, vì hiện thực của xã hội thực dân - nửa phong kiến là như vậy! Cảm hứng trong thơ Tú Xương hầu như không hướng nhiều về phía phản ánh những cái tốt lành, những cái thuộc về sức sống, về bản lĩnh của dân tộc, của nhân dân, dù có bị ẩn kín xuống nhưng vẫn không bao giờ mai một trong hoàn cảnh lịch sử tang tóc đó. Thi sĩ Tú Xương biết buồn đau trước vận nước vận dân. Với giọng văn châm biếm sâu cay, thơ văn của ông đã đả kích bọn thực dân phong kiến, bọn quan lại làm tay sai cho giặc, bọn bán rẻ lương tâm chạy theo tiền bạc, bọn rởm đời lố lăng trong buổi giao thời.